TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2020
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Huỳnh Văn Năm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 807/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 132/2020/QĐ-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1993; cư trú tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1989; cư trú tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị N và quá trình tố tụng tại Tòa án chị N trình bày: Chị và anh Trần Văn Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, bản thân anh Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không tôn trọng chị cùng gia đình của chị mặc dù đã được khuyên

can nhiều lần nhưng không sửa chữa. Do cuộc sống vợ chồng không đảm bảo hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung của chị và anh Đ chưa có nên không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Lê Thị N được Tòa án nhân dân huyệnTrần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ được xác lập vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng, dẫn đến thiếu tin tưởng nhau, bản thân anh chị không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa diệu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Mặt khác, bản thân anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt điều đó cho thấy anh Đ không có thiện chí để hàn gắn. Xét thấy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, chị N và anh Đ chưa có con chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về chia tài sản: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; phần tạm ứng án phí chị N đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về nuôi con chung: Chưa có nên không đặt ra.

Về chia tài sản: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng, chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003029 ngày 23/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã P, huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải